TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:78/2020/DS-ST Ngày: 18-9-2020 V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Diễn;
2. Ông Nguyễn Thái Hòa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nông Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa*:** Bà Đặng Hoàng Oanh - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 798/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2020/QĐXX-ST ngày 10/8/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 872/2020/QĐST-DS ngày 27/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trịnh Văn L, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Xóm X, xã T, huyện N, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền của anh L (theo văn bản ủy quyền ngày 05/6/2019): anh Ngô Anh K, sinh năm: 1998. Địa chỉ liên hệ: phường P, thành phố M, tỉnh B; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1968;

Địa chỉ: khu phố A, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 11/8/2020, nguyên đơn anh Trịnh Văn L có đại diện theo ủy quyền anh Ngô Anh K trình bày:

Vào ngày 19/10/2013 anh L cửa hàng xe gắn máy ML do anh L làm chủ có bán cho ông C 01 xe gắn máy loại Honda Wave α màu sơn đen, số khung RLHHC1211DY091602, số máy HC12E5091690 với giá 26.429.000đồng. Ông C đã trả trước 4.000.000đồng, số tiền còn lại 22.429.000đồng cam kết trả góp trong hạn 11 tháng, mỗi tháng trả góp ít nhất 2.039.000đồng và góp vào ngày 19 tây hàng tháng. Sau khi giao số tiền 4.000.000đồng và nhận xe, ông C không trả góp số tiền còn lại 22.429.000đồng như đã cam kết. Anh L yêu cầu ông C phải trả số tiền 22.429.000đồng trên.

Do bận công việc, anh K đề nghị vắng mặt khi xét xử vụ án.

Bị đơn ông Trần Văn C đã được tống đạt (niêm yết) hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không đến làm việc nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay, ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý, nguyên đơn và bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và lời trình bày, tranh luận của đương sự tại phiên tòa hôm nay có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền còn lại 22.429.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Anh Trịnh Văn L khởi kiện ông Trần Văn C yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc trong hợp đồng mua bán xe máy. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định anh L là nguyên đơn, ông C là bị đơn. Căn cứ Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 428 Bộ luật Dân sự 2005, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản".

- ***Về thẩm quyền giải quyết:*** Ông Trần Văn C có địa chỉ thường trú và cư trú tại phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 03 Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Văn L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- ***Về thủ tục tố tụng khác:*** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Ngô Anh K có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Trần Văn C được triệu tập hợp lệ 02 (hai) lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa; Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, phía bị đơn ông C sinh sống tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp (*bút lục 55*). Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông C cố tình trốn tránh không đến Tòa làm việc là tự từ bỏ quyền tham gia vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp để xem xét, giải quyết.

Xét thấy: Việc ký giấy thỏa thuận bán xe gắn máy trả góp giữa hai bên anh L và ông C là tự nguyện, ông C đã nhận xe nhưng chưa thanh toán hết khoản tiền còn lại cho anh L. Theo lời khai của anh L thì xe môto ông C mua chưa đăng ký biển số, giấy tờ. Theo cung cấp của Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an tỉnh Đồng Nai (*bút lục 54*), không có thông tin về xe gắn máy loại Honda Wave α màu sơn đen, số khung RLHHC1211DY091602, số máy HC12E5091690.

Như vậy, xác định giá trị xe theo thỏa thuận là 26.429.000đồng, ông C đã thanh toán được 4.000.000đồng, còn nợ lại 26.429.000đồng; ông C đã nhận xe theo thỏa thuận. Vì vậy, việc anh L không yêu cầu đòi lại xe mà yêu cầu ông C thanh toán số tiền còn lại 22.429.000đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn đồng) phù hợp quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự năm 2005; cần buộc ông C trả số tiền 22.429.000đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn đồng) cho anh L.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn ông Trần Văn C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn anh Trịnh Văn L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, Điều 147, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 428 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trịnh Văn L đối với bị đơn ông Trần Văn C về việc "Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản".

Buộc ông Trần Văn C phải trả cho anh Trịnh Văn L số tiền 22.429.000đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Bị đơn ông Trần Văn C phải nộp 1.121.450đồng (một triệu một trăm hai mươi mốt nghìn bốn trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho anh Trịnh Văn L số tiền 560.725đồng (năm trăm sáu mươi nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001233 ngày 27/11/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Thị Huệ